

Thứ năm, ngày 1 tháng 7 năm 2021

Vietnam Daily Review

Trở lại nhịp tăng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 2/7/2021		•	
Tuần 28/6-2/7/2021		•	
Tháng 7/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex dù đã có những phút rung lắc giảm điểm trong phiên sáng nhưng lực cầu đã tăng dần vào phiên chiều và khiến chỉ số đóng cửa ở trên ngưỡng 1415. Dòng tiền đầu tư gia tăng trở lại với 13/19 nhóm ngành tăng điểm mặc dù khối ngoại bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực với thanh khoản gia tăng so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, việc tâm lý thị trường lạc quan trở lại khi hệ thống giao dịch mới sắp được đưa vào vận hành có thể giúp VNIndex tiếp tục tăng về trên ngưỡng 1420 trong phiên giao dịch cuối cùng của tuần này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 1/7/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở đều tăng. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Phân tích kỹ thuật: VNM_Tích lũy (Trang 3)

Cập nhật: MWG (Trang 6)

Điểm nhấn

- VN-Index **+8.53** điểm, đóng cửa **1417.08**. HNX-Index **+2.4** điểm, đóng cửa **325.72**.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+1.82)**; **HPG (+1.57)**; **GVR (+1.54)**; **MSN (+0.96)**; **GAS (+0.61)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.69)**; **NVL (-0.39)**; **VIC (-0.36)**; **CTG (-0.29)**; **SAB (-0.24)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **23,612 tỷ đồng**, **+33.14%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 26,131 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 15.09 điểm. Thị trường có **224** mã tăng, 54 mã tham chiếu và **165** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-235.66** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VPB (-336.9 tỷ)**, **CTG (-297.9 tỷ)** và **NVL (-57.6 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-9.55** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1417.08**
Giá trị: 23612.68 tỷ **8.53 (0.61%)**
Khối ngoại (ròng): -235.66 tỷ

HNX-INDEX **325.72**
Giá trị: 2908.73 tỷ **2.4 (0.74%)**
Khối ngoại (ròng): -9.55 tỷ

UPCOM-INDEX **90.44**
Giá trị: 1515.1 tỷ **0.19 (0.21%)**
Khối ngoại (ròng): -4.8 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	74.5	1.37%
Giá vàng	1,775	0.29%
Tỷ giá USD/VND	23,017	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,252	-0.12%
Tỷ giá JPY/VND	20,665	-0.21%
LS liên NH 1 tháng	1.6%	19.95%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	76.8	VPB	336.9
MSN	45.1	CTG	297.4
E1VFN30	43.9	NVVL	57.5
MBB	40.2	VIC	37.7
GAS	36.9	HCM	22.4
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cập nhật cổ phiếu	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 1/7

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	73.41	0.15%	3.00%	11.60%	83.25%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	75.67	0.15%	2.90%	10.10%	69.25%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	227.72	-0.16%	5.00%	7.30%	82.66%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1779.06	0.22%	0.80%	-6.20%	-0.88%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.08	0.52%	1.10%	-5.80%	42.73%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1291.50	-0.02%	-1.60%	-4.10%	50.17%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	653.50	0.23%	-1.80%	-1.00%	28.64%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.57	-0.18%	-1.50%	-8.80%	0.42%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	216.31	1.00%	1.70%	-7.50%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.24	1.35%	3.20%	1.50%	43.55%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	153.40	-0.32%	1.20%	1.60%	44.44%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9419.00	-0.67%	1.10%	-5.30%	59.83%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	776.04	0.93%	-1.90%	0.20%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	817.80	1.84%	-2.30%	-1.20%			
Nhôm	USD/ton	2440.00	0.02%	1.70%	2.20%	55.41%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	180.98	0.07%	-5.00%	9.60%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	124.90	2.17%	5.50%	17.60%	86.42%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 29/6, dầu Brent tăng 8 US cent hay 0,1% lên 74,76 USD/thùng, dầu thô WTI tăng 7 US cent hay 0,1% lên 73,19 USD/thùng.
- Tổng thư ký OPEC ông Mohammad Barkindo cho biết nhu cầu dầu mỏ năm 2021 dự kiến tăng 6 triệu thùng/ngày, với 5 triệu thùng/ngày đến trong nửa cuối năm. Tổ chức này được dự kiến dần tăng sản lượng để đáp ứng nhu cầu.

Giá vàng

- Giá vàng giảm xuống mức thấp nhất kể từ giữa tháng 4 do USD mạnh ở thời điểm trước khi Mỹ công bố báo cáo việc làm trong tuần này.
- Vàng giao ngay giảm 0,93% xuống 1.761,66 USD/ounce, sau khi chạm 1.749,2 USD/ounce, mức thấp nhất kể từ ngày 15/4. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 8 đóng cửa giảm 1% xuống 1.763,6 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt giảm bởi nhu cầu thép tại Trung Quốc giảm khi thời tiết không thuận lợi và chính phủ Trung Quốc dự định can thiệp thị trường của để hạ nhiệt giá tăng cao.
- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên, Trung Quốc đóng cửa giảm 2,7% xuống 1.153 CNY (178,57 USD)/tấn sau 4 phiên tăng liên tiếp.

Giá cao su

- Giá cao su Nhật Bản mất 2% do lo ngại nhu cầu yếu hơn ngày càng tăng khi một số quốc gia tái phong tỏa để kiểm chế sự lây lan của biến thể Delta có khả năng lây nhiễm cao.
- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 12 trên sàn giao dịch Osaka đóng cửa giảm 5,3 JPY hay 2,2% xuống 232 JPY (2,1 USD)/kg.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 đóng cửa giảm 2,5 US cent hay 1,5% xuống 1,6020 USD/lb. Giá đã đạt mức cao nhất kể từ đầu tháng 6 tại 1,64 USD/lb.
- Đường thô kỳ hạn tháng 7 đóng cửa ổn định tại 17,23 US cent/lb.

	1/7	% 1/7	30/6	% 30/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1417.08	0.61%	1408.55	-0.11%	2.71%	5.93%
S&P 500			4297.50	0.13%	1.31%	2.22%
HĐTL S&P500	4301.50	0.30%	4288.60	0.15%	1.07%	2.70%
Shang- hai	3588.78	-0.07%	3591.20	0.50%	0.62%	-0.74%
Euro Stoxx	4107.77	1.07%	4064.30	-1.05%	-0.36%	0.88%

Phân tích kỹ thuật
VNM_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hồi tụ
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, đi ngang

Nhận định: VNM đang nằm trong nhịp tích lũy quanh ngưỡng giá 90. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên trong phiên giao dịch gần nhất, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều đang cho thấy nhịp tích lũy ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu sắp cắt dải mây Ichimoku, báo hiệu xu hướng tăng giá trung hạn sắp hình thành. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế quanh ngưỡng giá 90.9 và chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng giá 110.0. Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 88.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

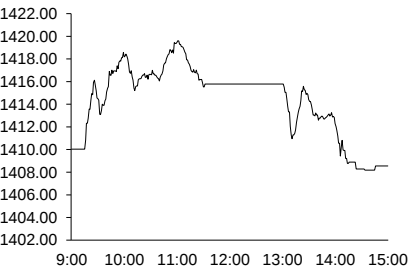
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dịch vụ tài chính	4.31%
Hóa chất	2.79%
Tài nguyên Cơ bản	1.99%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.08%
Công nghệ Thông tin	0.97%
Dầu khí	0.78%
Ngân hàng	0.62%
Thực phẩm và đồ uống	0.54%
Bảo hiểm	0.43%
Xây dựng và Vật liệu	0.28%
Ô tô và phụ tùng	0.26%
Y tế	0.21%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.07%
Viễn thông	0.00%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.06%
Bất động sản	-0.18%
Du lịch và Giải trí	-0.35%
Bán lẻ	-0.63%
Truyền thông	-2.72%

Hình 1

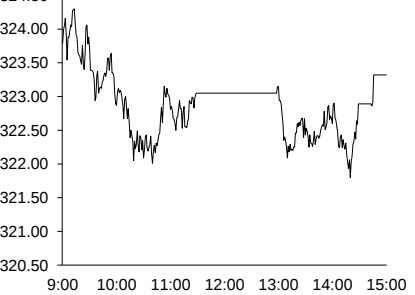
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/30/2021	CMG	37.3	42	35	38.6	1	3.49%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/29/2021	VJC	120	132	113	120.7	2	0.58%	Có thể tiếp tục mua
6/28/2021	MSB	30.3	34	27.5	31	3	2.31%	Có thể tiếp tục mua
6/25/2021	ACV	75.6	83.5	71.7	78.4	6	3.70%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2021	GVR	34.8	44	30.9	36.4	7	4.60%	Có thể tiếp tục mua
6/23/2021	CTD	65.4	72	58.5	64.8	8	-0.92%	Có thể tiếp tục mua
6/22/2021	HII	21.8	24	21	21.7	9	-0.46%	Có thể tiếp tục mua
6/21/2021	POW	12.5	14	11.3	12.1	10	-3.20%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/18/2021	PLP	10.25	12.5	9.5	11	13	7.32%	Có thể tiếp tục mua
6/16/2021	GEG	17.2	19.5	16	17.1	15	-0.58%	Có thể tiếp tục mua
6/15/2021	BMP	60.5	67	58.5	58.9	16	-2.64%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/14/2021	FRT	27.1	32	25	27.55	17	1.66%	Có thể tiếp tục mua
6/11/2021	BVH	57.3	63.5	54.5	59	20	2.97%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/10/2021	ASM	14.2	16	12.75	13.95	21	-1.76%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/9/2021	LCG	13.1	14.5	12.25	12.85	22	-1.91%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/3/2021	KSB	28.85	32.5	27	29	28	0.52%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/2/2021	CEO	10.4	12.5	9.5	10	29	-3.85%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	26.45	31	-4.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/28/2021	IDC	37.4	41.5	35.5	36.3	34	-2.94%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
5/20/2021	REE	58.4	63.4	52	57.6	42	-1.37%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

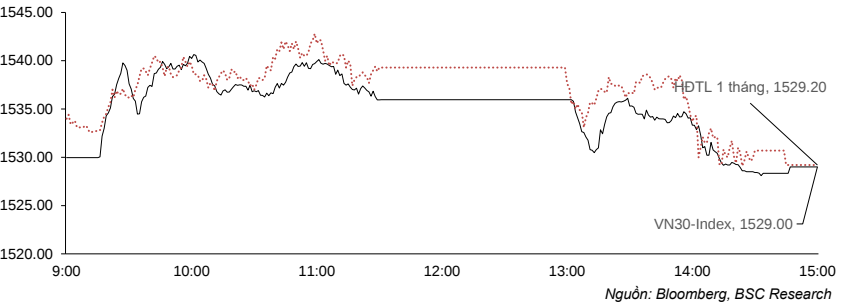
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/17/2021	HBC	16.4	18.5	15.3	SL	14	-6.71%
6/8/2021	SBT	21.2	23.5	20	TP	10	10.85%
6/7/2021	D2D	54.3	60	52	SL	3	-4.24%
6/4/2021	KBC	35.5	43	32	FS	25	12.11%
6/1/2021	PLC	26.8	29.5	25.8	TP	6	10.07%
5/27/2021	LAS	11.4	13	10.4	TP	22	14.04%
5/26/2021	FMC	33.45	37	32.15	SL	7	-3.89%
5/25/2021	CTS	17.25	20	16.5	TP	7	15.94%
5/24/2021	VTP	90.8	100	86.3	TP	15	10.13%
5/21/2021	DXG	24.35	29	22.5	TP	13	19.10%
5/19/2021	DRC	25.83	31.37	24.72	TP	30	21.45%
5/18/2021	FLC	12.45	14	10	TP	17	12.45%
5/17/2021	VSC	51	57	48	TP	25	11.76%
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	TP	6	11.30%
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	TP	25	23.64%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	11	3.02%	-2.16%	0.17%	17
Cổ phiếu đã chốt	159	87	13.66%	-8.10%	5.97%	27

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2107	1549.00	1.29%	3.86	15.7%	192,326	15/07/2021	14
VN30F2108	1544.00	1.38%	-1.14	42.8%	357	19/08/2021	49
VN30F2109	1540.20	1.32%	-4.94	13.9%	41	16/09/2021	77
VN30F2112	1537.60	1.02%	-7.54	16.9%	90	16/12/2021	168

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +16.14 điểm lên 1545.14 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, HPG, TCB, MSN, HDB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giăng co quanh 1530-1540 điểm, trước khi tăng tích cực cuối phiên lên quanh 1545 điểm. VN30 có thể vận động tăng trong những phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2104	05/07/2021	4	3:1	282,300	36.31%	1,500	8,750	21.53%	2,674	3.27	36,247	32,938	52,800
CVPB2103	09/08/2021	39	2:1	180,600	37.62%	2,700	16,380	16.75%	17,042	0.96	41,900	36,500	70,400
CVPB2104	27/08/2021	57	3:1	128,400	37.62%	2,500	9,200	15.00%	7,260	1.27	56,500	49,000	70,400
CVPB2015	30/07/2021	29	1:1	20,900	37.62%	5,600	43,840	5.18%	44,498	0.99	31,600	26,000	70,400
CHPG2102	05/07/2021	4	1:1	423,700	36.31%	6,600	30,500	4.10%	11,821	2.58	34,996	30,144	52,800
CHPG2108	12/08/2021	42	5:1	226,800	36.31%	1,200	4,900	4.03%	133	36.79	48,124	43,713	52,800
CMWG2103	05/07/2021	4	10:1	412,200	29.11%	1,900	2,100	3.96%	2,267	0.93	147,500	128,500	151,100
CTCB2103	09/08/2021	39	2:1	237,800	37.49%	2,900	9,500	3.83%	8,990	1.06	41,300	35,500	53,300
CHPG2103	06/07/2021	5	2:1	134,800	36.31%	3,900	13,950	3.33%	5,414	2.58	36,614	30,879	52,800
CHPG2107	12/08/2021	42	5:1	247,500	36.31%	1,300	4,970	3.33%	136	36.52	48,463	43,684	52,800
CFPT2101	05/07/2021	4	6:1	277,900	30.51%	1,500	4,500	2.51%	2,406	1.87	71,867	64,121	88,900
CHPG2105	09/08/2021	39	2:1	102,000	36.31%	3,000	16,390	2.31%	5,532	2.96	48,000	42,000	52,800
CSTB2103	09/08/2021	39	2:1	150,900	44.64%	1,400	7,300	2.10%	6,546	1.12	20,800	18,000	31,000
CTCB2012	30/07/2021	29	1:1	99,600	37.49%	5,400	31,310	1.13%	31,383	1.00	27,400	22,000	53,300
CPNJ2101	06/07/2021	5	10:1	394,900	30.75%	1,700	2,100	0.48%	2,225	0.94	95,000	78,000	100,200
CTCB2102	06/07/2021	5	2:1	261,500	37.49%	2,300	8,020	0.00%	8,662	0.93	40,600	36,000	53,300
CMBB2101	06/07/2021	5	2:1	216,000	36.45%	1,600	8,260	-0.72%	8,733	0.95	29,200	26,000	43,450
CTCB2101	05/10/2021	96	1:1	60,200	37.49%	5,000	24,000	-0.83%	12,321	1.95	36,000	31,000	53,300
CNVL2102	27/09/2021	88	16:1	298,100	32.82%	1,100	3,750	-2.09%	309	12.15	107,608	94,636	120,000
CVHM2102	06/07/2021	5	10:1	397,300	32.00%	1,900	2,870	-2.71%	3,026	0.95	106,000	87,000	117,200
Tổng				4,271,100	36.04%**								

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất	CR: Tỷ lệ chuyển đổi
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%	Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
	**Trung bình độ lệch chuẩn	*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 1/7/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở đều tăng. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

- CVHM2105 và CVNM2104 tăng mạnh lần lượt là 39.00% và 32.73%. Trái lại, CVIC2101 và CVHM2101 giảm mạnh lần lượt là -13.46% và -11.85%. Giá trị giao dịch tăng 42.14%. CHPG2102 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 22.40% thị trường.

- CVPB2101, CMWG2101, CTCB2102, CMWG2103, và CREE2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CVPB2015, và CSTB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CVPB2103 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

MWG – MUA – GIÁ MỤC TIÊU 2022F: 207,000VND – UPSIDE 44.1% - PE 2022 FW =11.1 LẦN

Chuyên viên phân tích: Phan Quốc Bửu

KQKD 5T/2021 duy trì đà tăng trưởng khả quan trong bối cảnh “làn sóng thứ 4” dịch Covid-19 bùng phát. Lũy kế 5T/2021, DTT và LNST của MWG đạt lần lượt 51,830 tỷ đồng (+9% YoY) và 2,172 tỷ đồng (+26% YoY), hoàn thành lần lượt 41% và 46% kế hoạch kinh doanh. Biên lợi nhuận ròng 5T/2021 đạt mốc 4.2%, cao hơn đáng kể so với mức 3.6% cùng kỳ

Chúng tôi ghi nhận nỗ lực đáng kể KQKD của MWG trong bối cảnh (1) KQKD Q1/2020 vẫn ở mức nền cao do chưa chịu nhiều tác động của dịch Covid (DT Q1/2020 tăng 18.3% YoY) và (2) Đợt dịch bệnh bùng phát lần 4 từ đầu T5/2021. Tính đến cuối T5/2021, hơn 630 cửa hàng TGDD/DMX nằm trong các khu vực phong tỏa và giãn cách xã hội phải đóng cửa hoặc hạn chế bán hàng.

Động lực tăng trưởng đến từ việc các nhóm ngành (1) Điện thoại duy trì mức tăng trưởng 2 con số, (2) Đa dạng hóa nhiều nhóm ngành sản phẩm như máy tính, đồng hồ, điện lạnh và gia dụng ghi nhận tăng trưởng dương, (3) Tối ưu hóa các chi phí và (4) Sự linh hoạt trong kinh doanh của ban lãnh đạo.

Kế hoạch triển khai DMX Supermini bám sát kế hoạch. Lũy kế 5T/2021, DMS mini mở được 537 cửa hàng, tăng 235 cửa hàng so với 31/12/2020. Qua đó, DMS đóng góp hơn 2,370 tỷ đồng doanh thu, chiếm 9% tổng doanh thu chuỗi DMX. BSC kỳ vọng nhu cầu mua sắm các thiết bị điện tử và gia dụng sẽ phục hồi khi dịch bệnh đã được khống chế. Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá tăng trưởng chuỗi DMX trong năm 2021 sẽ ở mức nền thấp, tăng trưởng ở mức 1 chữ số, qua đó tạo đà tăng trưởng tốt cho năm 2022 của mảng DMX khi nền kinh tế phục hồi cũng như rủi ro về dịch bệnh thấp đi khi tỷ lệ bao phủ của việc tiêm phòng vaccine ở mức cao hơn.

BHX tiệm cận mức hòa vốn EBITDA cấp công ty trong T5/2021 nhờ vào (1) doanh thu tăng đột biến trong T5 lên 1.38 tỷ đồng/cửa hàng/tháng (+16% MoM) và (2) Giải pháp nâng cao năng suất lao động, tối ưu hóa chi phí. BSC đánh giá đây là tín hiệu tích cực tuy nhiên việc tăng đột biến doanh thu chủ yếu do yếu tố dịch Covid-19 khiến nhu cầu tăng lên đột biến, tương tự như giai đoạn T3-T4/2020. BSC cho rằng doanh thu bình quân cửa hàng sẽ tiếp tục duy trì mức cao trong T6 và T7 năm 2021 trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vẫn diễn biến phức tạp, và sẽ dần điều chỉnh giảm về mức bình quân 1.2 tỷ đồng/cửa hàng/tháng trong phần còn lại của 2021.

BSC đánh giá việc các chợ truyền thống đóng cửa do dịch bệnh cũng sẽ thúc đẩy cho người tiêu dùng chuyển sang cửa hàng hiện đại/siêu thị qua đó giúp tốc độ chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình hiện đại nhanh hơn. Điều này sẽ giúp BHX giải được bài toán gia tăng quy mô doanh thu bình quân mỗi cửa hàng và tiến gần hơn đến điểm hòa vốn.

Đối với chuỗi BHX, BSC dự báo năm 2021 và 2021 sẽ ghi nhận mức lỗ trên doanh thu lần lượt là -6.5% và -2%, tương ứng mức lỗ ròng của chuỗi BHX lần lượt là -1,980 tỷ đồng và -791 tỷ đồng với giả định BHX sẽ đạt điểm hòa vốn EBITDA cấp công ty vào cuối năm 2021 và sẽ bắt đầu ghi nhận lợi nhuận dương từ cuối năm 2022.

BSC dự báo DTT và LNST năm 2021 ước tính lần lượt đạt 121,717 tỷ đồng (+12.1% YoY) và lợi nhuận sau thuế ước đạt 4,878 tỷ đồng (+24% YoY), EPS 2021FW = 10,261 VND, PE FW 2021= 14.0 lần dựa trên giả định (1) Nhóm TGDD và DMX tăng trưởng 6.3% YoY, (2) BHX tăng 42.8% YoY, và (3) Biên lợi nhuận gộp 2021 = 22.9%.

Đối với 2021, BSC dự báo DTT và LNST năm 2022 ước tính lần lượt đạt 146,017 tỷ đồng (+20.0% YoY) và lợi nhuận sau thuế ước đạt 6,164 tỷ đồng (+26% YoY), EPS 2021FW = 12,960 VND, PE FW 2021= 11.1 lần

[Báo cáo phân tích gần nhất](#)

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	151.1	-0.6%	0.9	3,123	4.8	9,051	16.7	4.2	49.0%	27.2%	
PNJ	Bán lẻ	100.2	0.1%	1.0	991	1.5	4,974	20.1	4.0	49.0%	21.0%	
BVH	Bảo hiểm	59.0	1.0%	1.5	1,904	2.7	2,548	23.2	2.1	27.0%	9.5%	
PVI	Bảo hiểm	41.6	-0.5%	0.5	404	0.1	3,809	10.9	1.3	49.0%	12.2%	
VIC	Bất động sản	118.6	-0.3%	0.7	17,442	11.4	2,174	54.5	5.0	14.1%	9.0%	
VRE	Bất động sản	31.8	0.2%	1.1	3,142	4.3	1,175	27.1	2.4	30.5%	9.3%	
VHM	Bất động sản	117.2	-0.7%	1.0	16,762	18.9	7,874	14.9	4.2	22.9%	33.6%	
DXG	Bất động sản	23.8	-0.8%	1.3	536	6.0	(61)		1.8	26.3%	-0.5%	
SSI	Chứng khoán	57.5	4.5%	1.5	1,637	33.7	2,776	20.7	3.3	46.9%	16.2%	
VCI	Chứng khoán	54.4	4.2%	1.0	788	10.3	2,851	19.1	3.7	20.6%	22.1%	
HCM	Chứng khoán	54.0	5.7%	1.6	716	14.1	2,462	21.9	3.5	48.2%	16.4%	
FPT	Công nghệ	88.9	1.0%	0.9	3,508	6.5	4,103	21.7	4.8	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	79.0	-0.5%	0.4	1,128	0.4	4,304	18.4	5.5	0.0%	30.0%	
GAS	Dầu khí	94.2	1.3%	1.3	7,839	4.0	3,946	23.9	3.6	2.6%	14.9%	
PLX	Dầu khí	55.5	1.3%	1.5	3,001	5.5	2,915	19.0	2.9	17.2%	16.8%	
PVS	Dầu khí	28.3	-1.7%	1.7	588	27.9	1,375	20.6	1.1	7.9%	5.4%	
BSR	Dầu khí	20.8	-1.0%	0.8	2,804	26.2	(909)	N/A	N/A	2.1	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	95.7	0.1%	0.4	544	0.0	5,647	16.9	3.3	54.6%	20.2%	
DPM	Hóa chất	23.8	0.0%	0.7	405	3.3	1,928	12.3	1.2	14.4%	9.4%	
DCM	Hóa chất	20.7	-1.7%	0.6	475	4.2	1,122	18.4	1.7	2.3%	9.4%	
VCB	Ngân hàng	116.4	0.0%	1.1	18,770	9.3	5,709	20.4	4.3	23.5%	22.8%	
BID	Ngân hàng	47.3	0.1%	1.3	8,271	9.4	2,048	23.1	2.4	16.6%	10.6%	
CTG	Ngân hàng	52.4	-0.6%	1.3	8,483	66.8	4,765	11.0	2.1	25.1%	20.9%	
VPB	Ngân hàng	70.4	4.0%	1.2	7,514	93.0	4,626	15.2	3.1	15.4%	22.5%	
MBB	Ngân hàng	43.5	0.2%	1.2	5,287	46.1	3,612	12.0	2.4	21.0%	21.6%	
ACB	Ngân hàng	36.0	0.7%	1.0	4,223	16.1	3,194	11.3	2.6	30.0%	25.6%	
BMP	Nhựa	58.9	-0.7%	0.7	210	0.1	6,160	9.6	2.0	83.1%	20.3%	
NTP	Nhựa	50.4	-0.8%	0.5	258	0.0	3,988	12.6	2.2	19.4%	17.8%	
MSR	Tài nguyên	20.7	0.5%	0.7	989	0.4	39	530.8	1.6	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	52.8	2.5%	1.1	10,268	90.2	4,056	13.0	3.6	26.4%	31.3%	
HSG	Thép	42.6	1.7%	1.4	906	24.2	4,914	8.7	2.6	9.3%	35.0%	
VNM	Tiêu dùng	90.9	0.6%	0.7	8,260	15.1	4,682	19.4	6.1	54.9%	31.9%	
SAB	Tiêu dùng	167.7	-0.8%	0.8	4,676	1.1	7,561	22.2	5.4	62.8%	26.7%	
MSN	Tiêu dùng	113.5	2.8%	0.9	5,826	8.4	1,281	88.6	8.2	32.9%	5.1%	
SBT	Tiêu dùng	21.4	1.7%	1.2	573	3.2	1,131	18.9	1.7	8.4%	8.7%	
ACV	Vận tải	78.4	4.1%	0.8	7,421	2.0	577	135.9	4.5	3.5%	3.4%	
VJC	Vận tải	120.7	-0.7%	1.1	2,842	2.8	2,256		4.3	18.3%	8.3%	
HVN	Vận tải	27.6	0.0%	1.7	1,702	0.6	(9,327)		27.2	9.2%	-155.4%	
GMD	Vận tải	44.7	4.0%	1.0	586	9.8	1,246	35.9	2.2	41.2%	6.2%	
PVT	Vận tải	20.9	-0.7%	1.3	293	6.2	2,281	9.1	1.3	12.5%	15.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	111.9	2.8%	0.9	778	1.7	8,479	13.2	4.2	4.0%	39.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	29.6	-1.3%	0.4	577	0.2	1,604	18.5	2.0	5.7%	10.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.0	0.0%	0.9	265	0.3	1,566	10.2	1.1	2.8%	11.0%	
CTD	Xây dựng	64.8	0.2%	1.1	209	0.7	3,352	19.3	0.6	44.1%	3.0%	
CII	Xây dựng	19.1	-0.3%	0.5	198	1.6	56	342.4	1.0	22.1%	0.2%	
REE	Điện	57.6	-0.2%	-1.4	774	1.1	5,770	10.0	1.5	49.0%	16.3%	
PC1	Điện	26.5	-0.2%	-0.4	220	0.3	2,371	11.2	1.2	10.1%	13.2%	
POW	Điện	12.1	0.4%	0.6	1,232	4.1	1,037	11.7	1.0	3.0%	8.6%	
NT2	Điện	21.0	2.2%	0.5	262	0.4	1,872	11.2	1.5	14.9%	12.8%	
KBC	Khu công nghiệp	39.5	2.9%	1.0	807	25.8	1,639	24.1	1.8	19.1%	7.8%	
BCM	Khu công nghiệp	54.2	0%	0.9	2,439	0.0			3.4	2.0%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPB	70.40	3.99	1.80	30.91MLN
HPG	52.80	2.52	1.58	39.67MLN
GVR	36.40	4.00	1.52	6.76MLN
MSN	113.50	1.89	0.67	1.71MLN
GAS	94.20	1.29	0.62	983500

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-0.73	3.70MLN	1.11MLN
VIC	0.00	-0.37	2.19MLN	607060
CTG	0.00	-0.30	29.24MLN	373600
NVL	0.00	-0.29	4.60MLN	192700
SAB	0.00	-0.24	157000	611640

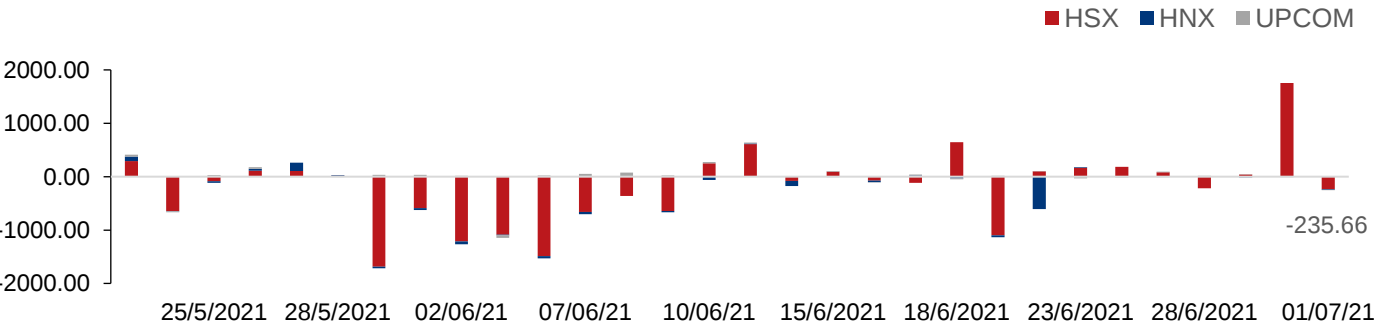
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ITD	15.40	6.94	0.01	798500.00
UDC	6.32	6.94	0.00	176400
HRC	66.30	6.94	0.04	54500
VPH	6.17	6.93	0.01	644300
FIT	17.00	6.92	0.08	12.62MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VOS	6.91	-7.00	-0.02	886400
SVD	8.73	-6.93	0.00	459500
LM8	9.97	-6.82	0.00	13100.00
SVC	64.30	-6.81	-0.04	1800
LGC	52.00	-6.81	-0.20	2100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	36.0	3,194	11.3	2.6	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	78.4	577	135.9	4.5	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.1	600	16.8	0.9	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.0	-363		0.9	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	29.1	3,834	7.6	1.3	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	52.4	4,765	11.0	2.1	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	20.7	1122.1	18.4	1.7	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	83.2	5,505	15.1	3.4	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	129.8	7,653	17.0	4.4	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	23.8	1,928	12.3	1.2	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	31.7	2,379	13.3	2.1	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	23.8	-61		1.8	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	88.9	4,103	21.7	4.8	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	36.4	1,091	33.4	3.0	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	43.6	7,082	6.2	2.0	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	52.8	4,056	13.0	3.6	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	42.6	4,914	8.7	2.6	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.0	1,566	10.2	1.1	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.5	-1,032		0.8	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	39.5	1,639	24.1	1.8	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	37.7	1,946	19.4	2.8	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	29.9			2.1	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	40.0	3,258	12.3	1.5	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	61.7	5,257	11.7	2.1	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	113.5	1,281	88.6	8.2	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	151.1	9,051	16.7	4.2	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	39.4	4,008	9.8	1.7	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	26.5	2,120	12.5	1.6	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	100.2	4,974	20.1	4.0	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.1	1,037	11.7	1.0	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	22.3	0	145.0	0.7	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	28.3	1,375	20.6	1.1	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	167.7	7,561	22.2	5.4	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.4	1,131	18.9	1.7	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	41.3	8272.5	5.0	1.4	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	53.3	4,074	13.1	2.4	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	116.4	5,709	20.4	4.3	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	49.0	4,166	11.8	2.6	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	19.4	570	34.0	1.6	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	45.1	3,837	11.8	1.5	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	117.2	7,874	14.9	4.2	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	90.9	4,682	19.4	6.1	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	70.4	4,626	15.2	3.1	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	31.8	1,175	27.1	2.4	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	82.2	3,256	25.2	7.0	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2021Q2	25/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 47000 ; Giá tại Publish 39400 Định giá: Chúng tôi nâng khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VHC với giá mục tiêu mới là 47,000 VND (+19.3% so với mức giá ngày 24/05/2021), cao hơn 20% so với giá mục tiêu cũ sau khi (i) kỳ vọng hoạt động kinh doanh hồi phục từ mức nền thấp (ii) tăng mức P/E mục tiêu từ 6.5 lên 9.
VGT 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 19040; Giá tại Publish 16800 Dự báo KQKD: BSC dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ của VGT năm 2021 lần lượt đạt 15,900 tỷ (+13.8% YoY) và 436 tỷ (+33.0% YoY) Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp đầu ngành dệt may với quỹ đất sử dụng lớn tại các trung tâm thành phố, (2) Triển vọng hoạt động kinh doanh phục hồi từ đáy khủng hoảng.
NLG 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 44600 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của NLG lần lượt ước đạt 6,557 tỷ đồng (+190.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1,206 tỷ đồng (+44% YoY). EPS FW 2021 = 4,228 đồng. PE FW 2021 = 8.7 lần.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639